

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST

Ngày: 09-11-2021

*“V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tiến T2, anh Nguyễn Tiến T1 và chị Nguyễn Thị Thu T3; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là bà Hoàng Thị N trình bày: Trong các năm 2014 và 2015 vợ chồng ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C mua phân bón của vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T, tổng số tiền ông L, bà C còn nợ là 275.264.000 đồng. Đến ngày 30-12-2017, hai bên đối chiếu công nợ, đồng thời lập văn bản là “GIẤY NHẬN NỢ”, thể hiện ông L và bà C còn nợ vợ chồng bà N số tiền kê trên, đồng thời cam kết sẽ thanh toán số tiền trên vào ngày 28-02-2018, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Ngày 28-10-2019, ông Nguyễn T chết không để lại di chúc, bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T mỗi người có quyền đối với ½ khoản nợ nói trên. Bà Hoàng Thị N là vợ, anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 là con của ông Nguyễn T và là những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn T ½ khoản nợ trên. Đến nay ông L và bà C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ như đã thỏa thuận. Anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn

Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều từ chối nhận di sản của ông T là $\frac{1}{2}$ khoản tiền nợ nói trên và đồng ý giao phần di sản mình được nhận cho bà Hoàng Thị N. Do vậy, bà N yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà C phải trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ là 275.264.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 01-3-2018 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C.

3. Anh Nguyễn Tiến T2, anh Nguyễn Tiến T1 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều trình bày: Anh T2, anh T1 và chị T3 đã nhận được các thông báo của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đến nay anh T2, anh T1 và chị T3 đã hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan đến thừa kế. Cụ thể, trong các năm 2014 và 2015 ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C mua phân bón của cha, mẹ anh T2, anh T1 và chị T3 là bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T, tổng số tiền ông L, bà C còn nợ là 275.264.000 đồng. Ngày 28-10-2019, ông T bị bệnh chết không để lại di chúc. Gia đình anh T2, anh T1 và chị T3 gồm có mẹ là bà N, anh T2, anh T1 và chị T3 là con là những người thừa kế theo pháp luật của ông T là $\frac{1}{2}$ khoản nợ trên. Theo quy định của pháp luật, anh T2, anh T1 và chị T3 là người thừa kế được chia $\frac{1}{4}$ di sản do ông T để lại là $\frac{1}{2}$ khoản tiền mà ông L và bà C còn nợ chưa trả. Nay anh T2, anh T1 và chị T3 từ chối nhận di sản và đồng ý giao lại toàn bộ phần di sản mà lẽ ra họ được hưởng cho bà N. Việc từ chối nhận di sản của họ là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác, họ cũng đã thông báo cho các đồng thừa kế khác được biết. Vì các lý do trên, anh T2, anh T1 và chị T3 đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông L và bà C phải trả cho bà Hoàng Thị N toàn bộ số tiền nợ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 Giấy nhận nợ ghi ngày 30-12-2017; 01 trích lục khai tử của ông Nguyễn T2 T; 01 bản tự khai; 02 đơn đề nghị ngày 28-10-2021; 01 bản khai lý lịch của ông Nguyễn T2 T; 02 đơn xin xét xử vắng mặt; 01 biên bản xác minh ngày 31-3-2021.

5. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Đối với bị đơn là ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho nguyên đơn là bà Hoàng Thị N tổng số tiền nợ gốc là 275.264.000 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 01-3-2018 đến nay và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà bà Hoàng Thị N cung cấp là Giấy nhận nợ ghi ngày 30-12-2017 thể hiện vợ chồng ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C nợ vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T số tiền là 275.264.000 đồng. Thời hạn trả nợ là ngày 28-02-2018. Bị đơn là ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì phản đối nội dung các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp và lời khai của phía nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để khẳng định ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C còn nợ bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T số tiền là 275.264.000 đồng là có thật.

[3] Về việc trả nợ: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 28-02-2018, như vậy khoản nợ nói trên đã quá thời hạn. Bị đơn là ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ. Ngày 28-10-2019, ông Nguyễn T chết không để lại di chúc. Bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn T mỗi người có quyền đối với $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này. Đối với phần di sản của ông Nguyễn T, bà Hoàng Thị N là vợ, anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 là con của ông Nguyễn T và là những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn T $\frac{1}{2}$ khoản nợ trên. Anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều từ chối nhận di sản của ông T là khoản tiền nợ nói trên và đồng ý giao phần di sản mình được nhận cho bà N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N, buộc ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ gốc là 275.264.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 28-02-2018, ngày quá hạn tính từ ngày tiếp theo là ngày 01-3-2018. Như vậy, tiền lãi được tính kể từ ngày 01-3-2018 đến ngày xét xử 09-11-2021 là 03 năm 08 tháng và 09 ngày. Tiền lãi được tính như sau $275.264.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm} + 275.264.000 \text{ đồng} \times 0,8333\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} + 275.264.000 \text{ đồng} \times 0,0278\%/\text{ngày} \times 09 \text{ ngày} = 101.618.100 \text{ đồng}$.

[5] Về số tiền phải trả: Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị N tính đến ngày 09-11-2021 là $275.264.000 \text{ đồng} + 101.618.100 \text{ đồng} = 376.882.100 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 611, Điều 612, Điều 620, Điều 650, Điều, Điều 651 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N.

Buộc ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị N toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 09-11-2021 là 376.882.100 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi hai nghìn một trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 275.264.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và nợ lãi là 101.618.100 đồng (một trăm không một triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Lê Thanh L và bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.844.105 đồng (mười tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm không năm đồng); Bà Hoàng Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.519.325 đồng (chín triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011899 ngày 31-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính